

Số: 97/KH-UBND

Kiến Tường, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số thị xã Kiến Tường năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 3848/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Long An về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Long An năm 2024. Ủy ban nhân dân thị xã Kiến Tường ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số năm 2024 với những nội dung cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẠT RA NĂM 2023

Thực hiện Kế hoạch số 423/KH-UBND ngày 24/02/2023 của UBND thị xã Kiến Tường thực hiện chuyển đổi số năm 2023; Kế hoạch số 53-KH/TU ngày 15/3/2022 của Thị ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 20/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Long An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó đề ra các mục tiêu cụ thể để triển khai thực hiện.

Đến nay, các mục tiêu trọng tâm trong năm 2023 được tập trung triển khai thực hiện và hoàn thành 9/13 chỉ tiêu đề ra (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

II. MỤC TIÊU NĂM 2024

- Thực hiện hoàn thành nhân rộng mô hình chuyển đổi số cấp xã đối với 8/8 đơn vị UBND các xã, phường (*thực hiện tại Phụ lục III và IV kèm theo*).

1. Chính quyền số

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 90%.
- Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 70%.
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 30% (*đối với dịch vụ công có phát sinh giao dịch thanh toán*).

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (các hợp tác xã trên địa bàn thị xã theo Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 11/8/2023) đạt 80%.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật) tại cấp thị xã đạt 75%; cấp xã ít nhất 60%.

- Tỷ lệ UBND cấp xã có Trang Thông tin điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ công, Trang Thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và gắn nhãn tín nhiệm mạng đạt 100%.

- Có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đạt trình độ Cao đẳng công nghệ thông tin trở lên.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản đạt 80%.

2. Kinh tế số và xã hội số

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 85%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường internet cáp quang băng rộng đạt 90%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt trên 80%.
- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 93%.
- Đầu tư xây dựng cụm loa truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông cho 03 xã còn lại (xã Tuyên Thạnh, xã Thạnh Hưng, xã Bình Tân).

(Phân công theo dõi thực hiện các mục tiêu ưu tiên năm 2024 tại Phụ lục II kèm theo)

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

- Các cơ quan, đơn vị chủ động tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số dưới nhiều hình thức. Duy trì mở các chuyên mục tuyên truyền định kỳ hàng tuần về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh thị xã và các xã, phường (đảm bảo mỗi tuần có ít nhất 1 tin, bài), trên các phương tiện thông tin đại chúng và các kênh thông tin khác. Thường xuyên cập nhật thông tin trên chuyên trang chuyển đổi số.

- Tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số. Nghiên cứu, tham khảo các bài học, kinh nghiệm chuyển đổi số thành công của các cơ quan, địa phương khác tại Cổng thông tin về chuyển đổi số quốc gia (<https://dx.gov.vn>) để vận dụng phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, địa phương mình.

- Xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024, bảo đảm các hoạt động tiết kiệm, hiệu quả, không hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, doanh nghiệp, chính quyền.

- Tiếp tục hoàn thiện, mở rộng chức năng kênh UBND thị xã, UBND các xã, phường góp phần chia sẻ, lan tỏa các thông tin về chuyển đổi số.

2. Thể chế số

Rà soát xây dựng, sửa đổi, bổ sung đảm bảo ban hành đầy đủ các quy định, quy chế, chỉ đạo, cụ thể hóa kịp thời văn bản cấp trên về các cơ chế, chính sách chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, bảo đảm an toàn thông tin mạng.

3. Hạ tầng số

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số năm 2024, trong đó đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các ấp, khu phố trên địa bàn thị xã; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng.

- Địa phương chỉ đạo, tổ chức đo và lập danh sách các điểm, khu vực mà mạng viễn thông di động chưa đạt 40 Mbps (*Sử dụng công cụ iSpeed của Bộ Thông tin và Truyền thông*), tổ chức họp với các doanh nghiệp viễn thông yêu cầu bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động; phản ánh về Phòng Văn hóa và Thông

tin trong trường hợp không giải quyết được đề tổng hợp gửi Sở Thông tin và Truyền thông có giải pháp xử lý.

- Thúc đẩy triển khai phổ cập điện thoại thông minh từng bước theo lộ trình: trước tiên, mỗi hộ gia đình có một thiết bị thông minh, sau đó, mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh. Triển khai hỗ trợ điện thoại thông minh cho đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai thực hiện chuyển đổi Ipv6 theo lộ trình, kế hoạch, chỉ đạo của Sở Thông tin và Truyền thông trong cơ quan nhà nước, làm nền tảng phát triển Chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh của thị xã.

- Rà soát, triển khai nâng cấp, mua sắm thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số và đảm bảo theo quy định mua sắm tập trung.

- Nâng cấp hoàn thiện hệ thống mạng trong các cơ quan nhà nước từ cấp thị xã đến cấp xã, bao gồm: Mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng diện rộng (WAN), mạng nội bộ (LAN), kết nối Internet tốc độ cao. Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung của mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt từ thị xã đến cấp xã.

- Phối hợp phát triển hạ tầng Internet kết nối vạn vật (IOT), trong đó ưu tiên triển khai các hệ thống Wifi công cộng, hệ thống camera giám sát an ninh trật tự và giao thông, hệ thống chiếu sáng thông minh.

4. Dữ liệu số

- Thực hiện kết nối, khai thác chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) và của quốc gia (NDXP). Đề xuất chia sẻ dữ liệu để phục vụ giải quyết công việc của UBND thị xã, UBND cấp xã giải quyết công tác chuyên môn hoặc thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết phải bảo đảm tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh và quy định pháp luật.

- Cung cấp dữ liệu mở: Triển khai cung cấp dữ liệu mở đối với UBND thị xã phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu theo Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục dữ liệu mở và Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trên địa bàn tỉnh Long An.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 800/KH-UBND ngày 16/3/2022 thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030, trong đó chú trọng triển khai làm sạch các cơ sở dữ liệu có liên quan; cấp tài khoản định danh điện tử, tích hợp các loại giấy tờ trên địa bàn.

5. Nền tảng số

- Khai thác sử dụng có hiệu quả các nền tảng số quốc gia đã được công bố, triển khai như: Nền tảng quản lý tiêm chủng, nền tảng định danh và xác thực điện

tử, nền tảng sàn thương mại điện tử, nền tảng học trực tuyến mở đại trà – MOOCS; nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân...

- Thúc đẩy sử dụng các nền tảng của tỉnh đã đưa vào vận hành chính thức, trọng tâm là Nền tảng đô thị thông minh thông qua khai thác sử dụng ứng dụng công dân số “Long An Số” và ứng dụng “Long An IOC”.

6. Nhân lực số

- Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức: Xây dựng và triển khai kế hoạch nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn thị xã năm 2024, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho lãnh đạo, đội ngũ cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin, cán bộ, công chức, viên chức.

- Triển khai tập huấn kỹ năng số cho người dân: Triển khai hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu gồm: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng; sử dụng nền tảng số của tỉnh (ứng dụng “Long An Số”, Tổng đài 1022); sử dụng các dịch vụ thiết yếu về y tế, giáo dục, liên lạc, đi lại, du lịch, đọc sách, giải trí...

7. An toàn thông tin mạng

7.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

- Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ theo hướng dẫn, chỉ đạo của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Duy trì 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước của thị xã được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

7.2. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

7.3. Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Tổ chức phổ biến, quán triệt thực hiện hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là: Hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức...

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cử cán bộ chuyên trách, phụ trách về an toàn thông tin, công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

8. Chính quyền số

- Khai thác sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin đã được đầu tư, triển khai, đặc biệt là các hệ thống có quy mô quốc gia và ứng dụng dùng chung của tỉnh. Tăng cường gửi, nhận văn bản điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan nhà nước; xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo quy định. Cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

- Thúc đẩy triển khai sử dụng ứng dụng “Long An Số”, đây là kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp là “điểm chạm” để người dân, doanh nghiệp tiếp cận với nhiều thông tin, dịch vụ số do chính quyền cung cấp, đồng thời giúp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Từng bước mở rộng phạm vi lĩnh vực thực hiện trên Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Nghiêm túc tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân qua các kênh tương tác trên môi trường số (tổng đài 1022) theo quy định.

- Phối hợp triển khai hệ thống thông tin báo cáo trên địa bàn đảm bảo đầy đủ, hiệu quả, đáp ứng tình hình thực tế công tác báo cáo của thị xã.

9. Kinh tế số

- Tiếp tục triển thực hiện Kế hoạch số 3051/KH-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

- Triển khai Chương trình số 930/CTr-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và Kế hoạch số 856/KH-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Long An theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai phát triển thương mại điện tử trên địa bàn thị xã theo hướng dẫn của Sở Công thương.

10. Xã hội số

- Triển khai phổ cập danh tính số cho người dân trên địa bàn thị xã, phân đầu mỗi người dân có một danh tính số: Phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng VNeID, là danh tính số, có giá trị tương đương thẻ Căn cước công dân. Trong đó tập trung các nhiệm vụ sau: (1) Tuyên truyền, thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2; (2) Lập danh sách các hệ thống

thông tin phục vụ người dân; tích hợp sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập, sử dụng dịch vụ số.

- Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng thanh toán số, phấn đấu mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số. Tập trung các nhiệm vụ sau: (1) Phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng tiếp tục làm thẻ, ví điện tử cho người dân. (2) Đối với các vùng tiếp cận khó tới dịch vụ ngân hàng thì phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông để triển khai dịch vụ Mobile Money, phát triển điểm kinh doanh và đơn vị chấp nhận thanh toán để người dân có thể nạp, rút, chuyển tiền và thanh toán bằng tài khoản Mobile Money mà không cần có tài khoản ngân hàng; (3) Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu, bệnh viện, trường học hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt; (4) Có các chính sách ưu đãi cho hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; (5) Triển khai các sáng kiến thúc đẩy thanh toán số không dùng tiền mặt như: xã số, khu phố không dùng tiền mặt, từ đó nhân rộng, lan tỏa kinh nghiệm. Đồng thời tiếp tục triển khai Kế hoạch số 1206/KH-UBND ngày 21/4/2022 của UBND tỉnh hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến. Tập trung các nhiệm vụ sau: (1) Tích hợp hệ thống xác thực qua VNeID vào Cổng dịch vụ công của tỉnh, cho phép người dân sử dụng VNeID có thể sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; (2) Phổ cập nhanh tài khoản định danh và xác thực điện tử, thông qua đó, phổ cập tài khoản dịch vụ công trực tuyến; (3) Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân, phấn đấu mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân. Tập trung các nhiệm vụ sau: (1) Duy trì tích hợp tính năng ký số vào Cổng Dịch vụ công của tỉnh; (2) khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động; (3) Ban hành các chính sách khuyến khích sử dụng chữ ký số; (4) Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân; (5) Phối hợp với ngành Công an tích hợp chữ ký số trên ứng dụng VNeID.

- Phát triển trường học số: Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp thuộc phạm vi quản lý. Trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 789/KH-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Long An.

- Phát triển bệnh viện số: Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận dịch vụ Chính quyền số. Tuyên truyền chuyển đổi số định kỳ trên các phương tiện thông tin đại chúng (đài, hệ thống truyền thanh cơ sở...).

- Phối hợp đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp trung học cơ sở; ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân theo đường dẫn của cấp trên.

- Ứng dụng các nền tảng số, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp (ứng dụng Long An số, Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị - Tổng đài 1022, Kênh hỏi - đáp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh, thị xã, Cổng dịch vụ công trực tuyến, Kênh Zalo “Chính quyền số tỉnh Long An”...).

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Phối hợp doanh nghiệp để đẩy mạnh tuyên truyền, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (kết hợp dịch vụ bưu chính công ích, mạng xã hội...).

- Đẩy mạnh hình thức đối tác công tư (PPP) để triển khai các nhiệm vụ, dự án Chính quyền số, đô thị thông minh trên địa bàn.

3. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Triển khai các hoạt động, chế độ chính sách nhằm thu hút nguồn lực công nghệ thông tin để chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (bao gồm cả tài chính, nhân lực...).

- Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của tỉnh kết hợp bố trí ngân sách địa phương để triển khai các nhiệm vụ, dự án trọng điểm.

- Tuyên dụng, đào tạo và bố trí đủ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin vào làm việc tại các cơ quan nhà nước.

4. Giải pháp khác

- Thúc đẩy, gắn kết việc triển khai chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số với công tác cải cách hành chính. Gắn kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số với đánh giá cải cách hành chính, thi đua hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

- Triển khai các hoạt động học tập, tìm hiểu thực tế các mô hình chuyển đổi số hiệu quả ở các địa phương khác và nghiên cứu vận dụng phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, địa phương.

- Khảo sát thông tin về mức độ hài lòng của doanh nghiệp và người dân đối với việc triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước để có hướng cải tiến, nâng cấp phù hợp.

- Tăng cường vai trò người đứng đầu các cơ quan nhà nước, giao chỉ tiêu triển khai cụ thể cho từng đơn vị gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, đặc biệt là các chỉ tiêu triển khai dịch vụ công trực tuyến. Phát huy tối đa vai trò đầu mối tổ chức triển khai chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số, đảm bảo an toàn thông tin mạng của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, Phòng Văn hóa và Thông tin, Tổ công nghệ số cộng đồng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Đối với các nhiệm vụ tại Kế hoạch chưa xác định kinh phí triển khai, các cơ quan được giao chủ trì lập dự trù kinh phí cụ thể, trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, ban ngành thị xã, UBND các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thị xã; UBND xã, phường xây dựng Kế hoạch thực hiện Chuyển đổi số năm 2024 trong tháng 02 năm 2024 phù hợp thực tế cơ quan, đơn vị.

- Chủ động tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số dưới nhiều hình thức.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm (trước ngày 02 tháng cuối quý) và đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo kết quả về Phòng Văn hóa và Thông tin để tổng hợp, báo cáo UBND thị xã và UBND tỉnh.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban ngành thị xã, UBND các xã, phường theo dõi tiến độ thực hiện Kế hoạch. Trực tiếp tham mưu cho UBND thị xã thực hiện các nội dung trong Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ đề xuất thi đua khen thưởng 06 tập thể, 12 cá nhân cho công tác chuyển đổi số đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thị xã và UBND các xã, phường.

- Chủ động phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hướng dẫn, thẩm định chặt chẽ các nhiệm vụ, dự án, hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Văn phòng HĐND và UBND thị xã

Phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin tham mưu UBND thị xã chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị theo quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND thị xã, Chủ tịch UBND thị xã giao.

4. Phòng Tài chính – Kế hoạch

Tham mưu UBND thị xã thẩm định, bố trí ngân sách nhà nước, kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch theo quy định.

5. Phòng Nội vụ

- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức các cấp, đảm bảo tiêu chuẩn về chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT theo quy định. Lồng ghép nội dung đào tạo, bồi dưỡng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT, chuyển đổi số trong kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức cấp xã.

- Triển khai công tác thi đua - khen thưởng về hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị gắn với kết quả triển khai chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thị xã.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất giải pháp để hỗ trợ các cơ quan, đơn vị bố trí đầy đủ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin phục vụ công tác tham mưu triển khai chuyển đổi số.

6. Trung tâm Hành chính công thị xã

Ứng dụng có hiệu quả các hệ thống CNTT trong hoạt động của Trung tâm Hành chính công, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

7. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh thị xã

- Chủ động tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp, góp phần nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trên địa bàn thị xã. Chỉ đạo hệ thống truyền thanh xã, phường thực hiện tuyên truyền định kỳ hàng tuần (đảm bảo mỗi tuần có ít nhất 1 tin, bài) về chuyển đổi số trên các kênh thông tin hiện có. Thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số có thể lấy trên trang <https://chuyendoiso.longan.gov.vn>.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin và các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền theo Kế hoạch này.

Căn cứ nội dung trên, Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở TT và TT tỉnh;
- TT.Thị ủy, HĐND thị xã;
- CT, các PCT.UBND thị xã;
- CVP, PCVP, NC_{VX};
- Các cơ quan, ban ngành thị xã;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Lưu: VT, PVHTT-T.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lụa

Phụ lục I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 11/01/2024 của UBND thị xã Kiến Tường)

TT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, báo cáo	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá
I	Hạ tầng số					
1.	Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh.	90%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Doanh nghiệp công nghệ số; UBND các xã, phường	94,9% 44,647/46,997	Đạt
2.	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng.	88%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Doanh nghiệp viễn thông; UBND cấp huyện	78% 9,288/11,889	Chưa đạt
II	Chính quyền số					
3.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến.	85%	Các phòng ban, Trung tâm Hành chính công thị xã; UBND các xã, phường	Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Phòng Văn hóa và Thông tin	94,8% 11,669/12,309	Đạt
4.	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến.	60%	Các phòng ban, Trung tâm Hành chính công thị xã; UBND các xã, phường	Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Phòng Văn hóa và Thông tin	98,7% 11,594/11,738 (tính trên tổng số hồ sơ giải quyết của các dịch vụ công	Đạt

TT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, báo cáo	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá
					có phát sinh hồ sơ)	
5.	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	100%	Văn phòng HĐND và UBND thị xã; các phòng ban, Trung tâm Hành chính công thị xã; UBND các xã, phường	Phòng Văn hóa và Thông tin	96,31% 16,742/17,383	Chưa đạt
6.	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật):		Các phòng ban; UBND các xã, phường	Phòng Nội vụ; Phòng Văn hóa và Thông tin		
	- Cấp thị xã	70%			100% 66/66	Đạt
	- Cấp xã	60%			69,3% 949/1355	Đạt
7.	Tỷ lệ UBND cấp xã có trang thông tin điện tử.	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, phường	12,5% 1/8	Chưa đạt
8.	Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đảm bảo an toàn theo cấp độ quy định.	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND thị xã	100%	Đạt
9.	Tỷ lệ thiết bị đầu cuối được cài đặt	90%	Các phòng ban;	Phòng Văn hóa	100%	Đạt

TT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, báo cáo	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá
	giải pháp bảo vệ.		UBND các xã, phường	và Thông tin		
10.	Có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đạt trình độ Cao đẳng công nghệ thông tin trở lên.	100%	UBND thị xã, Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng Nội vụ	100%	Đạt
III	Kinh tế số và Xã hội số					
11.	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử. <i>(Số liệu dựa trên báo cáo tình hình ứng dụng, phát triển thương mại điện tử năm 2022 tại tỉnh Long An do Sở Công Thương phối hợp với Cục Thống kê tỉnh tiến hành khảo sát 400 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh)</i>	50%	Phòng Kinh tế, Chi cục Thống kê	Phòng Văn hóa và Thông tin	Theo báo cáo của tỉnh 103/400 doanh nghiệp (đạt 26%) Trong 400 doanh nghiệp khảo sát không có trên địa bàn Kiến Tường.	Đạt
12.	Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh cài đặt ứng dụng “Long An Số”.	50%	Các phòng ban; UBND các xã, phường	Phòng Văn hóa và Thông tin	Đến nay có trên 207.905 lượt người dùng tải về sử dụng/truy cập ứng dụng trên tất cả các nền tảng (khoảng 14,6% tổng dân số trưởng thành của tỉnh).	Chưa đạt

TT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, báo cáo	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá
13.	Đầu tư xây dựng cụm loa truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông tại xã Bình Hiệp và Thạnh Trị.	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh, UBND xã Bình Hiệp và Thạnh Trị.	100%	Đạt

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC MỤC TIÊU ƯU TIÊN THỰC HIỆN NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 11/01/2024 của UBND thị xã Kiến Tường)

TT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, báo cáo	Cơ quan phối hợp
I	Chính quyền số			
1.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến.	90%	Các cơ quan, ban ngành thị xã; UBND các xã, phường	Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Phòng Văn hóa và Thông tin
2.	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến.	70%	Các cơ quan, ban ngành thị xã; UBND các xã, phường	Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Phòng Văn hóa và Thông tin
3.	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công (<i>đối với dịch vụ công có phát sinh giao dịch thanh toán</i>).	30%	Các cơ quan, ban ngành thị xã; UBND các xã, phường	Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Phòng Văn hóa và Thông tin
4.	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	100%	Các cơ quan, ban ngành thị xã; UBND các xã, phường	Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Phòng Văn hóa và Thông tin
5.	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (các hợp tác xã trên địa bàn thị xã theo Quyết định số	80%	Các cơ quan, ban ngành thị xã;	Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Phòng Văn hóa và Thông tin

TT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, báo cáo	Cơ quan phối hợp
	7360/QĐ-UBND ngày 11/8/2023).			
6.	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).		Các cơ quan, ban ngành thị xã; UBND các xã, phường	Phòng Nội vụ, Phòng Văn hóa và Thông tin
	Thị xã	75%		
	UBND các xã, phường	Ít nhất 60%		
7.	Tỷ lệ UBND cấp xã có Trang Thông tin điện tử.	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, phường
8.	Tỷ lệ cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và gán nhãn tín nhiệm mạng.	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, phường
9.	Có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đạt trình độ Cao đẳng công nghệ thông tin trở lên.	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng Nội vụ
10.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.	80%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, ban ngành thị xã; UBND các xã, phường
II	Kinh tế số và Xã hội số			
11.	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh	85%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Doanh nghiệp công nghệ số, UBND các xã, phường

TT	Nội dung	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, báo cáo	Cơ quan phối hợp
12.	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng.	90%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Doanh nghiệp viễn thông, UBND các xã, phường
13.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử	Trên 80%	Công an thị xã	Các cơ quan, ban ngành thị xã; UBND các xã, phường
14.	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử	Trên 93%	Phòng Y tế	UBND các xã, phường
15.	Đầu tư xây dựng cụm loa truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông	03	Phòng Văn hóa và Thông tin	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh; UBND xã Tuyên Thạnh, xã Thạnh Hưng, xã Bình Tân
16.	Thực hiện hoàn thành nhân rộng mô hình chuyển đổi số cấp xã	8	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, phường

Phụ lục III

NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ

(Kèm theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 11/1/2024 của UBND thị xã Kiến Tường)

A. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

- Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số tại xã, phường; trong đó xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên trong thực hiện chuyển đổi số cấp xã.
- Ban hành kế hoạch chuyển đổi số của xã, phường; trong đó xác định nội dung, nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận, cán bộ, công chức của xã trong tham mưu thực hiện chuyển đổi số.

B. CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI

I. VỀ CHÍNH QUYỀN SỐ

TT	Nhiệm vụ	Kết quả cần đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
1	Chuyển đổi nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức cấp xã, người công tác tại các tổ chức đoàn thể xã			

TT	Nhiệm vụ	Kết quả cần đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
	<p>- Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức cấp xã, người công tác tại các tổ chức đoàn thể xã.</p> <p>- Đào tạo về kỹ năng số, công nghệ số, hướng dẫn sử dụng các sản phẩm, nền tảng số cho cán bộ, công chức, người công tác tại các tổ chức đoàn thể của xã.</p>	<p>Cán bộ, công chức cấp xã, người công tác tại các tổ chức đoàn thể xã sau khi được tập huấn hiểu biết rõ về chuyển đổi số, thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ số, nền tảng số.</p>	<p>UBND xã, phường (Kế hoạch của xã, phường giao cụ thể công chức chủ trì thực hiện)</p>	<p>Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã</p>
2	<p>Hoàn thiện hạ tầng trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số; khai thác hiệu quả hệ thống thông tin đã triển khai tại UBND cấp xã</p>			
2.1	<p>Hoàn thiện hạ tầng trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số:</p> <p>- Rà soát, đầu tư, nâng cấp đảm bảo hoàn thiện hệ thống máy tính, máy in, máy scan, máy photocopy... để phục vụ cho công tác của cán bộ, công chức.</p> <p>- Rà soát, đảm bảo tốc độ đường truyền phục vụ công việc, hoàn thiện cấu hình hệ thống mạng</p>	<p>Đảm bảo có đầy đủ hạ tầng trang thiết bị phục vụ cho công tác của cán bộ, công chức cấp xã. Đường truyền hoạt động ổn định, đảm bảo tốc độ truy cập, khai thác hiệu quả các nền tảng số. Hệ thống thông tin nội bộ xã đảm</p>	<p>UBND xã, phường</p>	<p>Phòng Văn hóa và Thông tin đầu mối, điều phối Phòng Tài chính - Kế hoạch bố trí kinh phí nếu phải đầu tư, mua sắm (riêng ngoài nguồn đã phân các xã)</p>

TT	Nhiệm vụ	Kết quả cần đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
	<p>LAN trong nội bộ UBND cấp xã, triển khai cung cấp wifi miễn phí tại trụ sở UBND cấp xã, nơi công cộng để phục vụ người dân.</p> <p>- Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho UBND cấp xã, cài đặt phần mềm giám sát an toàn thông tin tập trung cho máy trạm theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.</p>	<p>bảo an toàn thông tin.</p>		
2.2	<p>Rà soát, chấn chỉnh đảm bảo khai thác hiệu quả hệ thống thông tin đã triển khai tại UBND cấp xã, gồm:</p> <p>- Hệ thống một cửa điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Hệ thống quản lý văn bản điều hành.</p> <p>- Chữ ký số.</p> <p>- Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức.</p> <p>- Phần mềm kế toán, quản lý tài</p>	<p>- Cán bộ, công chức nắm vững các thao tác nghiệp vụ trên các hệ thống ứng dụng đã triển khai, đảm bảo đạt và vượt mục tiêu, chỉ tiêu chuyển đổi số theo kế hoạch của tỉnh đề ra trong năm.</p> <p>- Các mô hình giải pháp thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo người dùng điện thoại thông minh có cài đặt, sử dụng Nền tảng công dân</p>		

TT	Nhiệm vụ	Kết quả cần đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
	<p>sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phần mềm chuyên ngành do các sở, ngành triển khai (<i>tư pháp hộ tịch, công chứng chứng thực...</i>). - Triển khai các mô hình, giải pháp hỗ trợ thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến, Nền tảng công dân số “Long An Số”, Tổng đài 1022 và các dịch vụ số khác do cơ quan nhà nước cung cấp. 	<p>số “Long An Số” và các dịch vụ số khác phát huy hiệu quả hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tham gia, thực hiện chuyển đổi số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo khai thác hiệu quả các hệ thống đạt vượt các mục tiêu, chỉ tiêu về chính quyền số, chỉ số cải cách hành chính của tỉnh. 		
3	Triển khai, đưa vào vận hành Cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước cấp xã			

TT	Nhiệm vụ	Kết quả cần đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
	<p>- Triển khai, hướng dẫn sử dụng, đưa vào vận hành chính thức Cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước cấp xã.</p> <p>- Khảo sát, thu thập, tạo lập, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời các dữ liệu tổng thể, chi tiết đưa vào Cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước cấp xã, phục vụ công tác quản lý nhà nước của xã, phường, thị trấn; hiển thị trực quan thông tin, dữ liệu trên các Nền tảng số (Dashboard) phục vụ công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành hoạt động của xã trên môi trường số.</p> <p>- Ban hành quy chế quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước cấp xã; trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cán bộ, công chức liên quan trong vận hành, khai thác hệ thống.</p>	<p>- Cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước cấp xã có đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước cấp xã.</p> <p>- Lãnh đạo, công chức UBND cấp xã chính thức sử dụng, khai thác dữ liệu trên hệ thống để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.</p>	UBND xã, phường	<p>Phòng Văn hóa và Thông tin đầu mối, điều phối</p> <p>Phòng Tài chính - Kế hoạch bố trí kinh phí</p>
4	Tạo lập các kênh giao tiếp của chính quyền xã, phường, thị trấn với người dân, doanh nghiệp trên môi trường số			

TT	Nhiệm vụ	Kết quả cần đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng trang thông tin điện tử của UBND xã, phường để cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước (<i>triển khai theo dự án do Văn phòng UBND tỉnh làm chủ đầu tư</i>). - Tạo lập Kênh Zalo chính quyền số của xã, phường để kịp thời cung cấp thông tin, kết nối, tương tác với người dân, doanh nghiệp trên môi trường số. - Thành lập ban biên tập, giao nhiệm vụ cán bộ, công chức phụ trách quản trị Trang thông tin điện tử và kênh Zalo của xã, phường 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang thông tin điện tử của xã cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, hoạt động của cơ quan nhà nước. - Kênh Zalo chính quyền số của xã, phường thường xuyên cung cấp thông tin của chính quyền đến người dân, doanh nghiệp, trên 50% số hộ gia đình quan tâm kênh Zalo chính quyền xã, phường 	UBND xã, phường	Phòng Văn hóa và Thông tin đầu mối, điều mối
5	Triển khai Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông			

TT	Nhiệm vụ	Kết quả cần đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
5.1	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát xác định số lượng thiết bị cần trang bị. - Triển khai Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cho xã, phường, thị trấn. - Triển khai thiết lập hệ thống bảng tin điện tử công cộng đảm bảo theo quy định. - Hướng dẫn cán bộ, công chức quản lý, sử dụng các hệ thống đã đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, bảng tin điện tử công cộng đảm bảo tuân thủ các yêu cầu theo Thông tư 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Công văn số 1273/BTTTT-TTCS ngày 27/4/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Các hệ thống đưa vào hoạt động đảm bảo phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền, giúp người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã kịp thời nắm bắt thông tin do chính quyền cung cấp. 	UBND xã, phường	Phòng Văn hóa và Thông tin đầu mối điều phối

II. KINH TẾ SỐ

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến kết quả đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
1	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, triển khai tạo lập địa chỉ số (Vpostcode) cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, các địa điểm trên địa bàn xã, phường - Triển khai tuyên truyền, phổ biến địa chỉ số cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và sử dụng. - Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh quy trình gói - kết nối - giao nhận để phục vụ triển khai thương mại điện tử. 	<p>Đảm bảo có trên 95% các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình được tạo lập địa chỉ số.</p>	UBND xã, phường	Phòng Văn hóa và Thông tin
2	<p>Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh, sản xuất trên địa bàn xã, phường cách tiếp cận thương mại điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn đưa các các nông sản, sản phẩm đặc trưng của địa phương lên các sàn thương mại điện tử (Voso, Postmart...). - Hướng dẫn, hỗ trợ các giải pháp marketing bán hàng qua các kênh online cho các cơ sở kinh doanh, sản xuất trên địa bàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% sản phẩm đặc trưng của các xã, phường được đưa lên các sàn thương mại điện tử. - 100% các cơ sở kinh doanh, sản xuất trên địa bàn được hướng dẫn, tiếp cận các giải pháp bán hàng qua các kênh online. 		<p>Phòng Tài chính</p> <p>- Kế hoạch chủ trì</p> <p>Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp</p>

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến kết quả đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
3	<p>Triển khai các dịch vụ nông nghiệp số cho các địa phương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ, hướng dẫn triển khai truy xuất nguồn gốc sản phẩm thông qua việc gắn tem số. - Triển khai Hệ thống kết nối cung cầu sản phẩm nông sản an toàn. - Triển khai xây dựng dữ liệu nông nghiệp, nông thôn của các xã, phường thực hiện chuyển đổi số theo hướng dẫn của cấp trên. - Triển khai các dịch vụ nông nghiệp số phù hợp điều kiện thực tế của địa phương theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nông dân, hộ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản được tiếp cận và khai thác các dịch vụ nông nghiệp số. - Tạo lập đầy đủ dữ liệu nông nghiệp, nông thôn. 	UBND xã, phường	<p>Phòng Kinh tế chủ trì</p> <p>Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp</p>

III. XÃ HỘI SỐ

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến kết quả đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
1	Hạ tầng xã hội số			
1.1	Hoàn thiện hạ tầng viễn thông (băng rộng cố định, băng rộng di động).	Đảm bảo hạ tầng băng rộng phủ khắp địa bàn xã, phường. Rà soát,	UBND xã, phường	Phòng Văn hóa và Thông tin

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến kết quả đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
		khắc phục các vùng lùm sóng.		
1.2	Đẩy mạnh triển khai internet cáp quang kết nối đến các hộ gia đình.	Hộ gia đình có kết nối đường truyền internet cáp quang.	UBND xã, phường	Phòng Văn hóa và Thông tin
1.3	Khuyến khích, vận động các doanh nghiệp có chính sách giảm giá hoặc cung cấp dịch vụ internet, wifi miễn phí.	Mỗi xã có tối thiểu 02 điểm truy cập internet, wifi miễn phí.	UBND xã, phường	Phòng Văn hóa và Thông tin
1.4	Phối hợp các doanh nghiệp triển khai chính sách hỗ trợ tiếp cận điện thoại thông minh và các dịch vụ kết nối internet 3G, 4G, 5G cho người dân trên địa bàn các xã, phường.	Hộ gia đình có điện thoại thông minh.	UBND xã, phường	Phòng Văn hóa và Thông tin
2	Y tế số			
2.1	Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân.	100% người dân trên địa bàn xã, phường được tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử, được hướng dẫn khai thác, sử dụng.	UBND xã, phường	Phòng Y tế

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến kết quả đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
2.2	Rà soát, triển khai đầy đủ các phần mềm quản lý y tế tại xã, phường theo quy định. Đảm bảo tạo lập, cập nhật đầy đủ dữ liệu y tế của địa phương, đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu các phần mềm y tế đã triển khai phục vụ nhu cầu quản lý của xã.	100% các phần mềm, quản lý y tế được triển khai. 100% các dữ liệu y tế phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành được tạo lập, cập nhật đầy đủ, kịp thời.	UBND xã, phường	Phòng Y tế; Phòng Văn hóa và Thông tin
2.3	Triển khai tạo lập các kênh giao tiếp trên môi trường số giữa người dân với các cơ sở y tế phục vụ chăm sóc, tư vấn sức khỏe từ xa.	100% các trạm y tế xã, phường có kênh giao tiếp phục vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân.	UBND xã, phường	Trung tâm Y tế thị xã Phòng Văn hóa và Thông tin
3	Giáo dục số			
3.1	Hoàn thiện hạ tầng kết nối internet băng rộng cho các trường học, đảm bảo các trường có khu vực cho phép học sinh truy cập internet miễn phí (phòng tin học, thư viện, phòng truyền thống...).	<ul style="list-style-type: none"> - 100% các trường học kết nối internet băng rộng. - 100% học sinh từ Tiểu học đến Trung học phổ thông tiếp cận và sử dụng internet miễn phí trong nhà trường. 	UBND xã, phường	Phòng Giáo dục và Đào tạo Phòng Văn hóa và Thông tin

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến kết quả đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
3.2	Khai thác hiệu quả các phần mềm, nền tảng giáo dục số đã triển khai: tạo lập hoàn chỉnh kho học liệu trực tuyến, thư viện số, giáo trình, bài giảng; triển khai hiệu quả phần mềm học và thi trực tuyến, phần mềm tuyển sinh đầu cấp, cơ sở dữ liệu giáo dục...	<ul style="list-style-type: none"> - 100% các trường khai thác hiệu quả các phần mềm. - 100% các trường tạo lập đầy đủ dữ liệu phục vụ quản lý giáo dục. 	UBND xã, phường	Phòng Giáo dục và Đào tạo Phòng Văn hóa và Thông tin
3.4	Ứng dụng công nghệ số, ứng dụng mô hình giáo dục sáng tạo (STEM/STEAM) vào phục vụ giảng dạy.	100% người học tại các trường được tiếp cận với các phương pháp dạy học mới có ứng dụng công nghệ số, mô hình giáo dục sáng tạo.	UBND xã, phường	Phòng Giáo dục và Đào tạo Phòng Văn hóa và Thông tin
4	Các dịch vụ xã hội số khác			
4.1	Triển khai thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt: <ul style="list-style-type: none"> - Các cơ quan, đơn vị tăng cường triển khai cung cấp các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (máy thanh toán, mã QR thanh toán, chuyển khoản...). - Phối hợp các doanh nghiệp cung cấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các trung tâm mua sắm, khu chợ, ... được trang bị máy thanh toán, mã QR thanh toán. - Người dân có tài khoản thanh toán điện tử để thực hiện thanh toán 	UBND xã, phường	Phòng Văn hóa và Thông tin

TT	Nhiệm vụ	Dự kiến kết quả đạt được	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn
	giải pháp thanh toán triển khai các dịch vụ thanh toán điện tử đến người dân.	không dùng tiền mặt.		
4.2	Triển khai hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng ứng dụng “Long An số”, hệ thống Tổng đài 1022.	60% người dân sử dụng điện thoại thông minh có cài đặt, sử dụng ứng dụng “Long An Số”.		

Phụ lục IV

NỘI DUNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CẤP XÃ

(Kèm theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 11/1/2024 của UBND thị xã Kiến Tường)

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
1	Lĩnh vực Nông nghiệp		
1.1	Quản lý trồng trọt		
1.1.1	<i>Quản lý hiện trạng trồng trọt</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.1.1.1	Quản lý hiện trạng trồng trọt	Cho phép người dùng quản lý hiện trạng trồng trọt trên địa bàn xã	
1.1.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
1.1.1.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.1.2	<i>Quản lý kế hoạch chuyển đổi cây trồng</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.1.2.1	Quản lý kế hoạch chuyển đổi cây trồng	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa kế hoạch chuyển đổi cây trồng của xã	
1.1.2.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
1.1.2.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.1.2.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.1.3	<i>Quản lý đăng ký chuyển đổi cây trồng</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.1.3.1	Quản lý đăng ký chuyển đổi cây trồng	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa đăng ký chuyển đổi cây trồng của cá nhân	
1.1.3.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
1.1.3.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.1.3.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.2	<i>Quản lý chăn nuôi</i>		
1.2.1	<i>Quản lý hiện trạng chăn nuôi</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.2.1.1	Quản lý hiện trạng chăn nuôi	Cho phép người dùng quản lý hiện trạng chăn nuôi trên địa bàn xã	
1.2.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
1.2.1.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.2.2	<i>Quản lý tiêm phòng dịch</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.2.2.1	Quản lý tiêm phòng dịch	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa tình hình tiêm phòng dịch bệnh	
1.2.2.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.2.2.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.3	<i>Quản lý nông thôn mới</i>		
1.3.1	<i>Quản lý nông thôn mới</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.3.1.1	Quản lý nông thôn mới	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật kết quả NTM theo các tiêu chí NTM	
1.3.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.3.1.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.3.1.4	Quản lý bộ tiêu chí nông thôn mới	Cho phép người dùng quản lý bộ tiêu chí NTM theo quy định	
1.4	<i>Quản lý phòng chống thiên tai</i>		
1.4.1	<i>Kê khai ban đầu</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.4.1.1	Quản lý kê khai ban đầu	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa kê khai đăng ký trồng trọt, chăn nuôi ban đầu của hộ canh tác	
1.4.1.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
1.4.1.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.4.1.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.4.2	<i>Hỗ trợ khôi phục do dịch bệnh</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.4.2.1	Quản lý hỗ trợ khôi phục do dịch bệnh	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa kê khai hỗ trợ khôi phục do dịch bệnh của hộ canh tác	
1.4.2.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
1.4.2.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.4.2.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.4.3	<i>Hỗ trợ khôi phục do thiên tai</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.4.3.1	Quản lý hỗ trợ khôi phục do thiên tai	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa kê khai hỗ trợ khôi phục do thiên tai của hộ canh tác	
1.4.3.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
1.4.3.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.4.3.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.5	<i>Quản lý hộ canh tác</i>		
1.5.1	<i>Quản lý hộ canh tác</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.5.1.1	Import thông tin hộ canh tác	Cho phép người dùng import thông tin hộ canh tác từ file excel	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
1.5.1.2	Quản lý hộ canh tác	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa hộ canh tác	
1.5.1.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.5.1.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.6	<i>Quản lý thủy lợi</i>		
<i>1.6.1</i>	<i>Quản lý hỗ trợ đầu tư công trình thủy lợi</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.6.1.1	Quản lý hỗ trợ đầu tư công trình thủy lợi	Cho phép thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin xin hỗ trợ đầu tư công trình thủy lợi	
1.6.1.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
1.6.1.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.6.1.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
<i>1.6.2</i>	<i>Quản lý hiện trạng công trình thủy lợi</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.6.2.1	Quản lý hiện trạng trồng trọt	Cho phép người dùng quản lý hiện trạng công trình thủy lợi trên địa bàn xã	
1.6.2.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.6.2.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.7	<i>Quản lý Tổ hợp tác, hợp tác xã</i>		
<i>1.7.1</i>	<i>Quản lý thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.7.1.1	Quản lý thành lập tổ	Cho phép thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
	hợp tác, hợp tác xã		
1.7.1.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
1.7.1.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.7.1.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.7.2	<i>Quản lý thay đổi thông tin tổ hợp tác, hợp tác xã</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.7.2.1	Quản lý thay đổi thông tin tổ hợp tác, hợp tác xã	Cho phép thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin thay đổi thông tin tổ hợp tác, hợp tác xã	
1.7.2.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
1.7.2.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.7.2.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.7.3	<i>Quản lý chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, hợp tác xã</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.7.3.1	Quản lý chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, hợp tác xã	Cho phép thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, hợp tác xã	
1.7.3.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
1.7.3.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.7.3.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
1.7.4	<i>Quản lý báo cáo tình hình hoạt động tổ hợp tác, hợp tác xã</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.7.4.1	Quản lý báo cáo tình hình hoạt động tổ hợp tác, hợp tác xã	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa báo cáo tình hình hoạt động tổ hợp tác, hợp tác xã	
1.7.4.2	Import báo cáo từ excel	Cho phép người dùng import thông tin báo cáo hoạt động từ file excel	
1.7.4.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.7.4.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.7.5	<i>Quản lý hiện trạng tổ hợp tác, hợp tác xã</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.7.5.1	Quản lý hiện trạng tổ hợp tác, hợp tác xã	Cho phép người dùng quản lý hiện trạng tổ hợp tác, hợp tác xã	
1.7.5.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
1.7.5.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
1.8	<i>Quản lý khoa học công nghệ</i>		
1.8.1	<i>Quản lý hợp đồng tiếp nhận nguồn zen</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
1.8.1.1	Quản lý hợp đồng tiếp nhận nguồn zen	Cho phép thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin hợp đồng tiếp nhận nguồn zen	
1.8.1.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
1.8.1.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
1.8.1.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
2	Sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ		
2.1	Quản lý chợ, siêu thị, bách hóa		
2.1.1	Quản lý chợ, siêu thị, bách hóa		Cán bộ, lãnh đạo cấp xã
2.1.1.1	Quản lý chợ, siêu thị, bách hóa	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin chợ, siêu thị, bách hóa trên địa bàn xã	
2.1.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
2.1.1.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
2.2	Quản lý hộ kinh doanh		
2.2.1	Quản lý hộ kinh doanh		Cán bộ, lãnh đạo cấp xã
2.2.1.1	Quản lý hộ kinh doanh	Cho phép người dùng khai thác thông tin hộ kinh doanh trên địa bàn xã từ CSDL hộ kinh doanh	
2.2.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
2.2.1.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
2.3	Quản lý doanh nghiệp		
2.3.1	Quản lý doanh nghiệp		Cán bộ, lãnh đạo cấp xã
2.3.1.1	Quản lý doanh nghiệp	Cho phép người dùng khai thác thông tin doanh nghiệp trên địa bàn xã từ CSDL doanh nghiệp	
2.3.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
2.3.1.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
3	Đất đai, xây dựng, môi trường		
3.1	Quản lý đất đai		
3.1.1	Quản lý đất đai		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
3.1.1.1	Quản lý đất đai	Cho phép người dùng khai thác thông tin đất đai trên địa bàn xã từ CSDL tài nguyên, môi trường	
3.1.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
3.1.1.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
3.1.2	Quản lý tranh chấp đất đai		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
3.1.2.1	Quản lý tranh chấp đất đai	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin tranh chấp đất đai	
3.1.2.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
3.1.2.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
3.2	Quản lý xây dựng		
3.2.1	Quản lý xây dựng		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
3.2.1.1	Quản lý xây dựng	Cho phép người dùng khai thác thông tin cấp phép xây dựng trên địa bàn xã từ CSDL cấp phép xây dựng	
3.2.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
3.2.1.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
3.2.2	<i>Quản lý công trình xây dựng</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
3.2.2.1	Quản lý công trình xây dựng	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin công trình xây dựng	
3.2.2.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
3.2.2.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
3.3	<i>Quản lý môi trường</i>		
3.3.1	<i>Quản lý nguồn xả thải</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
3.3.1.1	Quản lý nguồn xả thải	Cho phép người dùng khai thác thông tin các nguồn xả thải trên địa bàn xã từ CSDL tài nguyên môi trường	
3.3.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
3.3.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
4	<i>Quản lý đô thị</i>		
4.1	<i>Quản lý đường giao thông</i>		
4.1.1	<i>Quản lý đường giao thông</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
4.1.1.1	Quản lý đường giao thông	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin hiện trạng đường giao thông trên địa bàn xã	
4.1.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
4.1.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
4.2	Quản lý đèn giao thông		
4.2.1	Quản lý đèn giao thông		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
4.2.1.1	Quản lý đèn giao thông	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin hiện trạng đèn giao thông trên địa bàn xã	
4.2.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
4.2.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
5	Đầu tư, phát triển		
5.1	Quản lý Xây dựng cơ bản		
5.1.1	Quản lý đề xuất dự án xây dựng cơ bản		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
5.1.1.1	Quản lý đề xuất dự án xây dựng cơ bản	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin đề xuất dự án xây dựng cơ bản của xã	
5.1.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
5.1.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
5.1.2	Quản lý báo cáo tiến độ dự án xây dựng cơ bản		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
5.1.2.1	Quản lý báo cáo tiến độ dự án xây dựng cơ bản	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin báo cáo tiến độ thực hiện dự án xây dựng cơ bản của xã	
5.1.2.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
5.1.2.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
5.1.3	<i>Quản lý báo cáo giải ngân dự án xây dựng cơ bản</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
5.1.3.1	Quản lý báo cáo giải ngân dự án xây dựng cơ bản	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin báo cáo tiến độ giải ngân dự án xây dựng cơ bản của xã	
5.1.3.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
5.1.3.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
5.2	<i>Quản lý Dự án đầu tư cấp thị xã</i>		
5.2.1	<i>Quản lý Dự án đầu tư cấp thị xã</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
5.2.1.1	Quản lý Dự án đầu tư cấp thị xã	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin các dự án đầu tư của thị xã trên địa bàn xã	
5.2.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
5.2.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
5.2.2	<i>Quản lý giải phóng mặt bằng</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
5.2.2.1	Quản lý giải phóng mặt bằng	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư của thị xã trên địa bàn xã	
5.2.2.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
5.2.2.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
6	Tài chính		

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
6.1	<i>Quản lý thu chi ngân sách</i>		
6.1.1	<i>Quản lý thu chi ngân sách</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
6.1.1.1	Quản lý thu chi ngân sách	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật tình hình thu chi ngân sách của xã	
6.1.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
6.1.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
6.2	<i>Quản lý tài sản thiết bị công nghệ thông tin</i>		
6.2.1	<i>Quản lý tài sản thiết bị CNTT</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
6.2.1.1	Quản lý tài sản thiết bị CNTT	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật hiện trạng tài sản thiết bị CNTT xã	
6.2.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
6.2.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7	Văn hóa - Xã hội		
7.1	<i>Quản lý y tế</i>		
7.1.1	<i>Quản lý cơ sở y tế</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.1.1.1	Quản lý cơ sở y tế	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin cơ sở y tế trên địa bàn xã	
7.1.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
7.1.1.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.2	<i>Quản lý giáo dục</i>		
7.2.1	<i>Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.2.1.1	Quản lý Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin cho phép cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục tiểu học trên địa bàn xã	
7.2.1.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.2.1.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.2.1.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.2.2	<i>Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.2.2.1	Quản lý thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin cho phép Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập trên địa bàn xã	
7.2.2.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.2.2.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.2.2.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.2.3	<i>Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
	<i>độc lập</i>		
7.2.3.1	Quản lý Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin cho phép Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập trên địa bàn xã	
7.2.3.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.2.3.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.2.3.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.2.4	<i>Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.2.4.1	Quản lý Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin cho phép Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại trên địa bàn xã	
7.2.4.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.2.4.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.2.4.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.2.5	<i>Quản lý cơ sở giáo dục</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.2.5.1	Quản lý cơ sở giáo dục	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin cơ sở giáo dục trên địa bàn xã	
7.2.5.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
7.2.5.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3	<i>Quản lý Văn hóa - Đài truyền thanh</i>		
7.3.1	<i>Thông báo tổ chức lễ hội</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.3.1.1	Quản lý Thông báo tổ chức lễ hội	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin Thông báo tổ chức lễ hội trên địa bàn xã	
7.3.1.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.3.1.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.1.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3.2	<i>Quản lý lễ hội</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.3.2.1	Quản lý lễ hội	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin các lễ hội diễn ra trên địa bàn xã	
7.3.2.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.2.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3.3	<i>Công nhận câu lạc bộ thể thao</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.3.3.1	Quản lý Công nhận câu lạc bộ thể thao	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin Công nhận câu lạc bộ thể thao trên địa bàn xã	
7.3.3.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.3.3.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
7.3.3.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3.4	<i>Quản lý câu lạc bộ thể thao</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.3.4.1	Quản lý câu lạc bộ thể thao	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin các câu lạc bộ thể thao trên địa bàn xã	
7.3.4.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.4.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3.5	<i>Thành lập thư viện</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.3.5.1	Quản lý Thành lập thư viện	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin Thành lập thư viện trên địa bàn xã	
7.3.5.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.3.5.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.5.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3.6	<i>Chia, tách thư viện</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.3.6.1	Quản lý Chia, tách thư viện	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin Chia, tách thư viện trên địa bàn xã	
7.3.6.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.3.6.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.6.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
7.3.7	<i>Sáp nhập, hợp nhất thư viện</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.3.7.1	Quản lý sáp nhập, hợp nhất thư viện	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin sáp nhập, hợp nhất thư viện trên địa bàn xã	
7.3.7.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.3.7.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.7.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3.8	<i>Chấm dứt hoạt động thư viện</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.3.8.1	Quản lý chấm dứt hoạt động thư viện	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin chấm dứt hoạt động thư viện trên địa bàn xã	
7.3.8.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.3.8.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.8.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3.9	<i>Quản lý thư viện</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.3.9.1	Quản lý thư viện	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin các thư viện trên địa bàn xã	
7.3.9.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.9.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3.10	<i>Đăng ký gia đình văn hóa</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
7.3.10.1	Quản lý đăng ký gia đình văn hóa	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin đăng ký gia đình văn hóa trên địa bàn xã	
7.3.10.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.3.10.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.10.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3.11	<i>Xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.3.11.1	Quản lý xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa trên địa bàn xã	
7.3.11.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.3.11.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.11.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3.12	<i>Xét tặng giấy khen gia đình văn hóa</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.3.12.1	Quản lý xét tặng giấy khen gia đình văn hóa	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin xét tặng giấy khen gia đình văn hóa trên địa bàn xã	
7.3.12.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.3.12.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.12.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3.13	<i>Quản lý gia đình văn hóa</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
7.3.13.1	Quản lý gia đình văn hóa	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin gia đình văn hóa trên địa bàn xã	
7.3.13.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.13.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.3.14	<i>Quản lý hoạt động đài truyền thanh</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.3.14.1	Quản lý hoạt động đài truyền thanh	Cho phép người dùng khai thác thông tin hoạt động đài truyền thanh trên địa bàn xã từ CSDL thông tin truyền thông	
7.3.14.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.3.14.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.4	<i>Quản lý An sinh xã hội</i>		
7.4.1	<i>Quản lý người cai nghiện</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.4.1.1	Quản lý người cai nghiện	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin người cai nghiện trên địa bàn xã	
7.4.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.4.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.4.2	<i>Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.4.2.1	Quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình trên địa bàn xã	
7.4.2.2	Liên kết hệ thống Một	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
	cửa		
7.4.2.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.4.2.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.4.3	<i>Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.4.3.1	Quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng trên địa bàn xã	
7.4.3.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.4.3.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.4.3.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.4.4	<i>Quản lý cơ sở bảo trợ xã hội</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.4.4.1	Quản lý cơ sở bảo trợ xã hội	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn xã	
7.4.4.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.4.4.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.4.5	<i>Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.4.5.1	Quản lý Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã	
7.4.5.2	Liên kết hệ thống Một	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
	cửa		
7.4.5.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.4.5.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.4.6	<i>Trợ cấp đột xuất đối tượng bảo trợ xã hội</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.4.6.1	Quản lý trợ cấp đột xuất đối tượng bảo trợ xã hội	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin trợ cấp đột xuất đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã	
7.4.6.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.4.6.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.4.6.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.4.6	<i>Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.4.6.1	Quản lý xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ	
7.4.6.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.4.6.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.4.6.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.4.7	<i>Xác nhận vào đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
7.4.7.1	Quản lý xác nhận vào đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin xác nhận vào đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	
7.4.7.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.4.7.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.4.7.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.4.8	<i>Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.4.8.1	Quản lý ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	
7.4.8.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
7.4.8.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.4.8.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.4.9	<i>Quản lý người có công</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.4.9.1	Quản lý người có công	Cho phép người dùng khai thác thông tin quản lý người có công trên địa bàn xã từ CSDL an sinh xã hội	
7.4.9.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.4.9.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.4.10	<i>Quản lý đối tượng bảo trợ xã hội</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
7.4.10.1	Quản lý đối tượng bảo trợ xã hội	Cho phép người dùng khai thác thông tin quản lý đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã từ CSDL an sinh xã hội	
7.4.10.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.4.10.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
7.5	<i>Quản lý tôn giáo chính phủ</i>		
<i>7.5.1</i>	<i>Quản lý cơ sở tôn giáo</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
7.5.1.1	Quản lý cơ sở tôn giáo	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin cơ sở tôn giáo trên địa bàn xã	
7.5.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
7.5.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8	<i>Công tác nội chính, cải cách hành chính</i>		
<i>8.1</i>	<i>Quản lý kế hoạch</i>		
<i>8.1.1</i>	<i>Quản lý kế hoạch</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.1.1.1	Quản lý kế hoạch	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin các kế hoạch của xã	
8.1.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.1.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
<i>8.1.2</i>	<i>Quản lý cuộc họp</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
8.1.2.1	Quản lý cuộc họp	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin các cuộc họp của xã	
8.1.2.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.1.2.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.2	<i>Quản lý dân cư</i>		
8.2.1	<i>Quản lý dân cư</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.2.1.1	Import thông tin dân cư	Cho phép người dùng import thông tin dân cư từ file excel	
8.2.1.2	Quản lý dân cư	Cho phép người dùng khai thác thông tin quản lý dân cư trên địa bàn xã từ CSDL dân cư quốc gia	
8.2.1.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.2.1.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.3	<i>Quản lý công an</i>		
8.3.1	<i>Quản lý an ninh trật tự</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.3.1.1	Quản lý an ninh trật tự	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã	
8.3.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.3.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.3.2	<i>Quản lý tạm trú, tạm vắng</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.3.2.1	Quản lý tạm trú, tạm vắng	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin tình hình tạm trú, tạm vắng trên địa bàn xã	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
8.3.2.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.3.2.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.4	<i>Quản lý quân sự</i>		
8.4.1	<i>Quản lý dân quân tự vệ</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.4.1.1	Quản lý dân quân tự vệ	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn xã	
8.4.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.4.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.4.2	<i>Quản lý tuyển quân NVQS</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.4.2.1	Quản lý tuyển quân NVQS	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin tuyển quân NVQS trên địa bàn xã	
8.4.2.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.4.2.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.5	<i>Quản lý tư pháp hộ tịch</i>		
8.5.1	<i>Quản lý thống kê hộ tịch</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.1.1	Quản lý thống kê hộ tịch	Cho phép người dùng cập nhật thống kê hộ tịch từ file excel	
8.5.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
8.5.2	<i>Quản lý hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.2.1	Quản lý hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn xã	
8.5.2.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.2.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.5.3	<i>Quản lý tuyên truyền viên pháp luật</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.3.1	Quản lý tuyên truyền viên pháp luật	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật danh sách tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn xã	
8.5.3.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.3.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.5.4	<i>Công nhận tuyên truyền viên pháp luật</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.4.1	Quản lý Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	
8.5.4.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
8.5.4.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.4.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.5.5	<i>Thôi làm tuyên truyền viên pháp luật</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
8.5.5.1	Quản lý Thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin Thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	
8.5.5.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
8.5.5.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.5.4	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.5.6	<i>Quản lý hoạt động hòa giải</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.6.1	Quản lý hoạt động hòa giải	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật hoạt động hòa giải trên địa bàn xã	
8.5.6.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.6.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.5.7	<i>Quản lý hòa giải viên</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.7.1	Quản lý hòa giải viên	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật danh sách hòa giải viên trên địa bàn xã	
8.5.7.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.7.3	Thông kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.5.8	<i>Công nhận hòa giải viên</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.8.1	Quản lý công nhận hòa giải viên	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin công nhận hòa giải viên	
8.5.8.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
8.5.8.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.8.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.5.9	<i>Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.9.1	Quản lý công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	
8.5.9.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
8.5.9.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.9.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.5.10	<i>Thôi làm hòa giải viên</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.10.1	Quản lý thôi làm hòa giải viên	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin thôi làm hòa giải viên	
8.5.10.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
8.5.10.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.10.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.5.11	<i>Thanh toán thù lao hòa giải viên</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.11.1	Quản lý thanh toán thù lao hòa giải viên	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin thanh toán thù lao hòa giải viên	
8.5.11.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
8.5.11.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.11.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.5.12	<i>Hỗ trợ hòa giải viên</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.12.1	Quản lý hỗ trợ hòa giải viên	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin hỗ trợ hòa giải viên	
8.5.12.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
8.5.12.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.12.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.5.13	<i>Bồi thường nhà nước</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.13.1	Quản lý Bồi thường nhà nước	Cho phép người dùng thêm, xóa, sửa, cập nhật thông tin Bồi thường nhà nước	
8.5.13.2	Liên kết hệ thống Một cửa	Cho phép liên kết thông tin thụ lý hồ sơ từ hệ thống Một cửa	
8.5.13.3	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.13.4	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	
8.6	<i>Quản lý tổng hợp ứng dụng CNTT</i>		
8.5.1	<i>Quản lý tổng hợp ứng dụng CNTT</i>		<i>Cán bộ, lãnh đạo cấp xã</i>
8.5.1.1	Quản lý tổng hợp ứng dụng CNTT	Cho phép tự động tổng hợp số liệu ứng dụng CNTT trên địa bàn xã	

STT	Tên chức năng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng
8.5.1.2	Tra cứu thông tin	Cho phép người dùng tra cứu thông tin theo nhiều tiêu chí	
8.5.1.3	Thống kê báo cáo	Cho phép người dùng báo cáo, thống kê số liệu	